

Bản án số: 13 /2017/HS-ST
Ngày 20 – 9 – 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Văn Tân, Chủ tịch Hội người cao tuổi thị xã Ngã Năm.

Ông: Phan Minh Đức, phó Bí thư đoàn thị xã Ngã Năm.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Hiếu, kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 28/2017/HSST ngày 11 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Phú T1, sinh ngày 11/8/1997, tại Ngã Năm, Sóc Trăng; đăng ký thường trú tại ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú tại ấp H, xã B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp làm thuê; trình độ văn hoá 07/12; cha Nguyễn Việt P, mẹ Nguyễn Thị Q; chưa có vợ con; tiền sự, tiền án không; bị khởi tố ngày 24/4/2017 và áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” cho đến nay. Bị cáo T1 có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Xuân Th, là trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng (*Ông Th có mặt tại phiên tòa*).

Người bị hại: Em Âu Kim M, sinh ngày 24/11/2000 (*Có mặt*).

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Y, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

Ông Âu Tấn N, sinh năm 1979 (*Có mặt*).

Bà Đặng Thị Kiều O, sinh năm 1977 (*Có mặt*).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Y, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền lợi cho người bị hại: Ông Nguyễn Văn U, luật sư của Văn phòng luật sư Việt Út thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (*Luật sư U có mặt tại phiên tòa*).

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Phú T1, sinh năm 1997 và Âu Kim M, sinh ngày 24/11/2000 có mối quan hệ tình cảm yêu thương nhau. Vào ngày 08/9/2016, T1 liên lạc với M bằng điện thoại và rủ M đi đám cưới, nhưng M không chịu đi. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, M đến nhà của T1 chơi. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì T1 về tới nhà và sau đó rủ M vào phòng số 04 thuộc Nhà nghỉ K-T, tọa lạc tại ấp H, xã B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng, cả hai nằm trên giường, M nằm trên cánh tay của T1, còn T1 thì vẫn ôm M, sau đó T1 nảy sinh ý định giao cấu với M, nên T1 tự cởi quần áo của mình ra hết và cởi áo ngoài, áo ngực của M ra, còn M thì tự cởi quần của mình ra; lúc này T1 nằm đè lên người M quan hệ tình dục được 05 phút thì nghỉ, sau đó T1 và M tự mặc quần áo vào. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày M tự đi về nhà.

Chiều ngày 27/9/2016, T1 và M cùng hẹn nhau đi lên khu vực tỉnh Bình Dương để làm thuê, nên T1 chạy xe đón M ở quán nước và đi về nhà T1, cả hai cùng đi xe đồ lên Bình Dương. Đến rạng sáng ngày 28/9/2016 thì T1 và M đến khu vực Bình Dương và đi đến nhà trọ của bà Nguyễn Thị Xuân I, tọa lạc khu phố 2, phường G, thị xã L, tỉnh Bình Dương. T1 và M ở phòng trọ số 10 và ở chung với dì ba của T1 tên Nguyễn Thị O. Vào sáng ngày 28/9/2016 khi bà Nguyễn Thị O đi làm, đến khoảng 08 giờ cùng ngày T1 và M lên gác trong phòng, T1 tự cởi quần áo của mình ra hết và cởi áo ngoài, áo ngực của M ra; còn M thì tự cởi quần ngoài, quần lót của M ra và T1 nằm đè lên người M quan hệ tình dục được khoảng 05 đến 10 phút thì nghỉ, sau đó T1 và M tự mặc quần áo vào.

Đến chiều ngày 28/9/2016 thì T1 và M thuê phòng trọ ở riêng là phòng số 11 cũng thuộc khu vực nhà trọ của bà I. Tại phòng trọ này, T1 đã thực hiện hành vi giao cấu với M thêm 02 lần nữa vào các ngày 29 và 30 tháng 9 năm 2016, đến ngày 03/10/2016 thì Âu Tấn N là cha ruột của Âu Kim M tìm gặp M tại phòng trọ và đưa M về nhà.

Sau khi tiếp nhận tin báo về sự việc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã năm tiến hành điều tra xác minh làm rõ nội dung vụ việc và thu thập tài liệu, chứng cứ. Đồng thời, giới thiệu Âu Kim M đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng để khám phụ khoa nhằm xác định tính chất vụ việc. Theo giấy chứng nhận thương tích số 219/CNTT-2016, ngày 06/10/2016 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng kết luận tình trạng của Âu Kim M: Bệnh nhân tỉnh, toàn thân không dấu xây xát, không vết bầm; âm hộ bình thường, không dấu xây xát, không vết bầm; màn trinh dẫn rộng, rách cũ vị trí 05 giờ, không chảy máu, không vết bầm; dịch âm đạo vàng đục; kết quả xét nghiệm tìm không thấy tinh trùng trong dịch âm đạo; test thai âm tính.

Quá trình điều tra, Nguyễn Phú T đã thừa nhận có hành vi giao cấu với Âu Kim M tất cả là 04 lần, các lần giao cấu với nhau thì M chưa tròn 16 tuổi; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với T1 về tội “*Giao cấu với trẻ em*” theo quy định tại điểm a khoản 2

Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trước khi thực hiện hành vi giao cấu với M, bị cáo không có tiền án, tiền sự; sau khi thực hiện hành vi giao cấu với M, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã nộp số tiền 1.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm nhằm bồi thường một phần thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín cho bị hại M; bị cáo có ông ngoại và bà ngoại là người có công với cách mạng, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, đây được xem là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999. Về trách nhiệm dân sự: Ông Âu Tấn N (*Là cha của bị hại M*) yêu cầu T1 bồi thường danh dự, nhân phẩm cho bị hại M số tiền là 13.000.000 đồng và bồi thường sợi dây chuyền 1,5 chỉ vàng 18k lấy của M để bán đi Bình Dương. Về xử lý vật chứng: Không có vật chứng cần xử lý.

Tại Cáo trạng số: 10/QĐ – KSĐT, ngày 09/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm để xét xử bị cáo Nguyễn Phú T1 về tội “*Giao cấu với trẻ em*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 115 BLHS năm 1999.

Tại phiên tòa:

- Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm giữ nguyên quan điểm đã quyết định truy tố bị cáo T1 về tội “*Giao cấu với trẻ em*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 115 BLHS năm 1999. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 33, 45; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 và áp dụng Điều 47 BLHS 1999; tuyên phạt bị cáo T1 với mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX buộc bị cáo T1 bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm cho bị hại M số tiền 13.000.000 đồng và bồi thường giá trị sợi dây chuyền 1,5 chỉ vàng 18k là 2.600.000 đồng. Về xử lý vật chứng: Không có vật chứng cần xử lý.

- Bị cáo T1 thừa nhận toàn bộ hành vi giao cấu với bị hại M như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát như đã nêu trên và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại M số tiền tổn thất tinh thần số tiền 13.000.000 đồng và giá trị sợi dây chuyền 1,5 chỉ vàng 18k là 2.600.000 đồng.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày, việc truy tố bị cáo T1 theo điểm a khoản 2 Điều 115 BLHS là có cơ sở, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo tích cực khắc phục hậu quả, có ông bà ngoại có công với cách mạng, do phía bị hại nói là 17 tuổi nên nhầm lẫn; nên đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115 BLHS và áp dụng điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS; bị cáo có đủ điều kiện áp dụng Điều 47 BLHS để xét xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt (*Khung liền kề*), nhằm tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về hòa nhập cộng đồng, làm lại cuộc đời.

- Người bị hại Âu Kim M và người đại diện hợp pháp ông Âu Tấn N yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T1, nhưng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và yêu cầu yêu cầu bị cáo T bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín cho bị hại M số tiền là 13.000.000 đồng; riêng ông N yêu cầu bị cáo T1 bồi thường giá trị sợi dây chuyền 1,5 chỉ vàng 18k là 2.600.000 đồng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Âu Kim M trình bày, qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và xét hỏi tại phiên tòa, lời luận tội của Kiểm sát viên và lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, thì đã rõ về tội danh “*Giao cấu với trẻ em*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 115 BLHS; bởi vì, căn cứ lời khai và chứng cứ trong hồ sơ vụ án là đúng người, đúng tội; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS, nên thống nhất đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS, xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị áp dụng Điều 585, 586, 592 BLDS buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 13.000.000 đồng và bồi thường giá trị sợi dây chuyền 1,5 chỉ vàng 18k là 2.600.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

- **Về tố tụng:** Người làm chứng em Nguyễn Thị K và người đại diện hợp pháp bà Nguyễn Thị Z; bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị Xuân I đều vắng mặt không có lý do. Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt những người này; việc vắng mặt của người này không gây cản trở cho việc xét xử, nên HĐXX căn cứ Điều 192 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, tiến hành xét xử vắng mặt những người vừa nêu trên.

- **Về nội dung:** Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Phú T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu. Xét thấy, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người làm chứng và biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Nên có đủ căn cứ xác định rằng Nguyễn Phú T1 và Âu Kim M, sinh ngày 24/11/2000 có mối quan hệ tình cảm yêu thương nhau; giữa bị cáo T1 và bị hại M tự nguyện giao cấu với nhau tất cả 04 lần gồm: Giao cấu lần thứ nhất vào khoảng 14 giờ, ngày 08/9/2016, tại phòng số 04 thuộc Nhà nghỉ K-T, tọa lạc tại ấp H, xã B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng; giao cấu lần thứ hai vào khoảng 08 giờ, ngày 28/9/2016, tại phòng trọ số 10 thuộc nhà trọ của bà Nguyễn Thị Xuân I, tọa lạc khu phố 2, phường G, thị xã L, tỉnh Bình Dương; giao cấu lần thứ ba và thứ tư vào các ngày 29 và 30 tháng 9 năm 2016, tại phòng trọ số 11 cũng thuộc nhà trọ của bà Nguyễn Thị Xuân I, tọa lạc khu phố 2, phường G, thị xã L, tỉnh Bình Dương. Bị cáo T1 có hành vi lợi dụng sự nhẹ dạ của bị hại M để giao cấu với bị hại M nhiều lần, tính đến ngày bị cáo T1 có hành vi giao cấu với bị hại M thì bị hại M chưa tròn 16 tuổi. Do đó, hành vi bị cáo T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Giao cấu với trẻ em*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 115 của BLHS năm 1999 đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố.

Xét thấy, bị cáo T1 là người có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, gây ra với lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, uy tín, nhất là xâm phạm

đến sự phát triển bình thường về thể chất và sinh lý của trẻ em; hành vi của bị cáo còn gây mất ổn định tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương, nên việc truy tố đưa bị cáo T1 ra xét xử nghiêm trước pháp luật là rất cần thiết. Song, thấy rằng bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trước khi thực hiện hành vi giao cấu với bị hại, bị cáo không có tiền án, tiền sự; sau khi thực hiện hành vi giao cấu với bị hại, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi giao cấu của mình; bị cáo đã nộp số tiền 1.000.000 đồng nhằm khắc phục một phần hậu quả và đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bên bị hại; bị cáo có ông ngoại và bà ngoại là người có công với cách mạng, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, đây được xem là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999. Do đó, khi quyết định hình phạt cần áp dụng Điều 33, 45 và áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115 BLHS năm 1999 quy định khung hình phạt áp dụng, đồng thời áp dụng điểm p, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 quy định các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, để có mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo T1 phạm tội “*Giao cấu với trẻ em*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 115 BLHS năm 1999. Đồng thời, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 33, 45; điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS năm 1999 và áp dụng Điều 47 BLHS 1999; tuyên phạt bị cáo T1 với mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù là có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo T1 đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115 BLHS và áp dụng điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS; bị cáo có đủ điều kiện áp dụng Điều 47 BLHS để xét xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt (*Khung liền kề*), nhằm tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về hòa nhập cộng đồng, làm lại cuộc đời, là có căn cứ chấp nhận.

Về trách nhiệm Dân sự: Bị hại M và người đại diện hợp pháp cho bị hại M yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T1 và yêu cầu bị cáo T1 bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín cho bị hại M số tiền là 13.000.000 đồng và bồi thường giá trị sợi dây chuyền 1,5 chỉ vàng 18k là 2.600.000 đồng. Xét thấy, về trách nhiệm hình sự thì HĐXX đã xem xét như nhận định ở phần trên. Còn yêu cầu bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín thì tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý theo yêu cầu của người bị hại, nên HĐXX ghi nhận. HĐXX căn cứ vào các Điều 584, 585, 586 và 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015, xác định bị cáo T1 có trách nhiệm bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín cho bị hại M số tiền là 13.000.000 đồng và bồi thường giá trị sợi dây chuyền là 2.600.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đề nghị HĐXX buộc bị cáo T có trách nhiệm bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín cho bị hại M số tiền 13.000.000 đồng và bồi thường giá trị sợi dây chuyền là 2.600.000 đồng, đề nghị này có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Âu Kim M đề nghị HĐXX áp dụng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 115 BLHS; áp dụng điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS, nên thống nhất đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS, xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị áp dụng Điều 585, 586, 592 BLDS buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại 13.000.000 đồng và

bồi thường giá trị sợi dây chuyền 1,5 chỉ vàng 18k là 2.600.000 đồng, là có căn cứ chấp nhận.

Về xử lý vật chứng: Không có vật chứng cần xử lý.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và theo quy định tại khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Tuy nhiên, thấy rằng bị cáo T1 thuộc diện hộ nghèo nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- **Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Phú T1 phạm tội “*Giao cấu với trẻ em*”.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 115, Điều 33, 45, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 (*Sửa đổi, bổ sung năm 2009*).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú T1 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đến cơ quan Công an thị xã Ngã Năm chấp hành án hoặc từ ngày bị bắt để chấp hành án.

- **Về trách nhiệm Dân sự:** Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Nguyễn Phú T1 có trách nhiệm bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín cho bị hại M số tiền là 13.000.000 đồng và bồi thường trị giá sợi dây chuyền là 2.600.000 đồng; tổng cộng bị cáo T1 phải bồi thường là 15.600.000 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tiếp tục quản lý số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) do bị cáo Nguyễn Phú T1 đã nộp theo biên lai thu số 004685, ngày 19/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng để đảm bảo thi hành án.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị cáo T1 còn phải trả lãi cho người bị hại theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

- **Về xử lý vật chứng:** Không có vật chứng cần xử lý.

- **Về án phí hình sự sơ thẩm:** Căn cứ khoản 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Phú T1 được miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp cho bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại có quyền làm đơn kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;
- VKS thị xã Ngã Năm;
- CA thị xã Ngã Năm;
- Bị cáo;
- Người bị hại; đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người bảo chữa cho bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Toàn